

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nay Lu Vinh.

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ủy ban nhân dân (UBND) xã I, tỉnh Gia Lai; địa chỉ trụ sở: thôn O, xã I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Công H - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc S - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã I, tỉnh Gia Lai (theo Quyết định ủy quyền số 989/QĐ-UBND ngày 25/9/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Đức A; sinh ngày 17/8/1998; số định danh cá nhân 064098003173; địa chỉ: Thôn F, xã I, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Lê Thị V; sinh ngày 27/7/1998; số định danh cá nhân 064198003468; địa chỉ: Thôn F, xã I, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Theo nội dung Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 27/8/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là UBND xã I, tỉnh Gia Lai thông qua người đại diện hợp pháp trình bày ý kiến, yêu cầu như sau:

Anh Trần Đức A và chị Lê Thị V đăng ký kết hôn và được UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Đức A đã khai chưa đúng ngày tháng năm sinh của mình dẫn đến việc UBND xã I cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị chưa đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cụ thể, căn cứ nội dung “Đơn trình bày” ngày 12/8/2025 do anh Đức A cung cấp kèm theo các giấy tờ gồm giấy khai sinh, căn cước công dân thì anh Đức A sinh ngày 17/8/1998. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Đức A khai năm sinh là 1996 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Như vậy anh Đức A và chị V thuộc trường hợp đăng ký kết hôn trái pháp luật.

Căn cứ Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 định về người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 định về việc xử lý việc kết hôn trái pháp luật và các quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, UBND xã I đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Đức A và chị Lê Thị V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai).

Quá trình giải quyết việc dân sự, anh Đức A và chị V yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ ngày anh chị đủ tuổi kết hôn, UBND xã I không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của anh Đức A và chị V theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc dân sự là anh Trần Đức A và chị Lê Thị V trình bày ý kiến, yêu cầu như sau:

Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai) đúng theo thời điểm được ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016. Khi đó anh chị chỉ mang theo giấy tờ tùy thân đến UBND xã và được cán bộ UBND xã thực hiện mọi thủ tục rồi nhận giấy chứng nhận kết hôn. Anh chị không để ý kiểm tra lại thông tin trong giấy chứng nhận kết hôn, cũng không hiểu rõ về quy định của pháp luật về điều kiện đăng ký kết hôn nên không biết rằng khi đó anh Đức A chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Về lý do UBND xã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn trong khi anh Đức A chưa đủ tuổi thì anh chị không biết. Tại thời điểm đó giấy khai sinh của anh Đức A ghi ngày tháng năm sinh là ngày 17/8/1998, chứng minh nhân dân cũng thể hiện thông tin ngày tháng năm sinh như vậy, anh chị không được UBND xã giải thích và cũng không rõ tại sao UBND xã lại tiến hành được việc đăng ký kết hôn. Cho đến thời gian

gần đây, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xích mích và có ý định ly hôn, khi đến nộp đơn tại Tòa án, kiểm tra thông tin của giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận kết hôn thì anh chị mới biết là tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Đức A chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, khi đó anh Đức A mới được 17 tuổi 09 tháng 02 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trước đây anh chị mâu thuẫn, xích mích nên có ý định ly hôn. Tuy nhiên hiện nay anh chị đã suy nghĩ lại, được gia đình động viên, hòa giải nên quyết định cho nhau thêm cơ hội để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do đó anh chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh chị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai) và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai:

Về thủ tục tố tụng: Đã được Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của đương sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của UBND xã I, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Đức A và chị Lê Thị V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai). Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Đức A và chị V kể từ ngày anh chị đủ tuổi kết hôn là ngày 18/8/2018.

Về lệ phí Tòa án: UBND xã I không phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai nhận định:

[1] Anh Trần Đức A và chị Lê Thị V đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai theo quy định của pháp luật về hộ tịch và hôn nhân gia đình nhưng tại thời điểm kết hôn, anh Đức A chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình (*Thông tư liên tịch số 01*) quy định về người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, UBND xã I có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đức A và chị V.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của UBND xã I, tỉnh Gia Lai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

[3] Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai và thông tin trong sổ hộ tịch chỉ ghi năm sinh của anh Trần Đức A là 1996, năm sinh của chị Lê Thị V là 1998, đồng thời sổ hộ tịch ghi ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân là ngày 01/01/2015. Theo Giấy khai sinh số 58a, quyền số II/05, đăng ký ngày 21/3/2006 của UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai thì anh Đức A sinh ngày 17/8/1998; theo Giấy khai sinh số 29, quyền số 01/2010, đăng ký ngày 03/3/2010 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai thì chị V sinh ngày 27/7/1998. Ngày tháng năm sinh của anh Đức A và chị V ghi trong giấy khai sinh trùng với thông tin của căn cước công dân. Như vậy có căn cứ xác định tại thời điểm UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Đức A và chị V là ngày 20/4/2016, anh Đức A mới được 17 năm 08 tháng 03 ngày tuổi, chị V mới được 17 năm 08 tháng 24 ngày tuổi.

[4] Tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định điều kiện về độ tuổi kết hôn như sau: “1. N, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: a) N từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên...”. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Đức A và chị V đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đồng thời thông tin ghi trong giấy chứng nhận kết hôn không thống nhất với thông tin ghi trong sổ hộ tịch hiện lưu trữ tại UBND xã I nên việc kết hôn của anh Đức A và chị V là trái pháp luật. Vì vậy, UBND xã I, tỉnh Gia Lai yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Đức A và chị V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết việc dân sự, anh Đức A và chị V yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn. Tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này”. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của anh Đức A và chị V, công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn là ngày 18/8/2018.

[6] Về lệ phí Tòa án: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, UBND xã I, tỉnh Gia Lai không phải chịu lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014;

Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của UBND xã I, tỉnh Gia Lai. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Đức A và chị Lê Thị V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/4/2016 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai).

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Trần Đức A và chị Lê Thị V kể từ thời điểm anh Đức A và chị V đủ tuổi kết hôn là ngày 18/8/2018.

UBND xã I, tỉnh Gia Lai có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân của anh Trần Đức A và chị Lê Thị V theo quyết định của Tòa án.

3. Về lệ phí Tòa án: UBND xã I, tỉnh Gia Lai không phải chịu lệ phí Tòa án.

4. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- Lưu: HSVV, VT-LT, CGQ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nay Lu Vinh